

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

Lúc đó thái tử Trường sinh chờ cho đến chiều, gom góp cây cỏ, hỏa táng cha mẹ xong rồi đi.

Bấy giờ vua Phạm-ma-đạt ở trên lầu cao, từ xa trông thấy một đứa bé hỏa táng vua Trường Thọ và phu nhân. Thấy vậy sai kẻ tả hữu rằng: “Đây ắt là thân quyến của vua Trường Thọ. Các người hãy nhanh chóng bắt về đây.”

Các thân dân liền đến chỗ đó. Chưa đến kịp thì cậu bé đã chạy mất rồi. Bấy giờ thái tử Trường Sinh tự nghĩ: “Vua Phạm-ma-đạt này giết cha mẹ ta, lại ở trong nước ta. Nay ta phải báo oán cho cha mẹ ta.” Thái tử liền tìm đến chỗ người dạy đàn.

Đến nơi đó, nói như vậy: “Nay con muốn học đàn.”

Người dạy đàn hỏi: “Con họ gì? Cha mẹ ở đâu?”

Cậu bé đáp: “Con không còn cha mẹ. Con vốn ở trong thành Xá-vệ này. Cha mẹ đã mất sớm.”

Người dạy đàn bảo: “Con muốn học thì học.”

Tỳ-kheo nên biết, bấy giờ thái tử Trường Sinh học đàn, học ca, học hát kịch. Thái tử Trường Sinh vốn có tố chất thông minh, nên chưa qua mấy ngày mà đã có thể đàn, ca, hát kịch. Không thứ gì không biết.

Sau đó, thái tử Trường Sinh ôm đàn đến chỗ vua Phạm-ma-đạt. Khi vắng người ở trong chuồng voi, cậu một mình đàn và cất tiếng ca trong veo. Lúc ấy vua Phạm-ma-đạt đang ngồi trên lầu cao nghe tiếng đàn ca, liền hỏi kẻ tả hữu rằng: “Người nào ở trong chuồng voi, đàn ca vui thú một mình vậy?”

Kẻ tả hữu tâu: “Ở trong thành Xá-vệ này, có một cậu bé thường đàn ca vui thú một mình.”

Vua bèn bảo quân hầu rằng: “Người hãy khiến cậu bé này đến chơi tại đây. Ta muốn gặp nó.”

Người được sai kia vâng lời dạy của vua, đến gọi cậu bé này đến chỗ vua.

Vua Phạm-ma-đạt hỏi cậu bé: “Đêm hôm qua người đàn ở trong chuồng voi phải không?”

Tâu: “Đúng vậy, Đại vương.”

Phạm-ma-đạt hỏi: “Nay người có thể ở bên cạnh ta, đánh đàn, ca, múa. Ta sẽ cung cấp quần áo, đồ ăn thức uống.”

Tỳ-kheo nên biết, bấy giờ, thái tử Trường Sinh ở trước Phạm-ma-đạt đánh đàn, ca, múa, rất là tuyệt diệu. Khi vua Phạm-ma-đạt nghe tiếng đàn này, trong lòng vô cùng hoan hỷ, liền bảo thái tử Trường Sinh: “Hãy giữ kho bảo vật của ta.”

Thái tử Trường Sinh chấp hành lệnh của vua, chưa từng bị thất thoát; hằng tùy thuận ý vua, cười trước nói sau, luôn nhường ý vua. Bấy giờ vua Phạm-ma-đạt lại ra lệnh rằng: “Lành thay, lành thay! Hiện tại người là người rất thông minh. Nay ta cho người vào nội cung, coi sóc mọi thứ, được không?”

Khi thái tử Trường Sinh ở trong nội cung, đem tiếng đàn dạy cho các cung nữ, lại cũng dạy cỡi voi, cỡi ngựa, các kỹ thuật, không việc gì không biết.

Bấy giờ, ý vua Phạm-ma-đạt muốn xuất du, dạo xem vườn rừng, cùng vui thú, liền sai thái tử Trường Sinh nhanh chóng sửa soạn xe có gắn lông chim. Thái tử Trường Sinh vâng lệnh vua, lo chuẩn bị xe có gắn lông chim, trải thảm lên voi, thặng yên cương bằng vàng bạc xong, trở lại tâu vua: “Đã sửa soạn xe xong, xin vua nên biết đã đến giờ.”

Vua Phạm-ma-đạt đi xe có gắn lông chim, sai Trường Sinh điều khiển, cùng đem theo binh chúng bốn bộ. Lúc này, thái tử Trường Sinh điều khiển xe dẫn đường, luôn luôn

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

cách ly quân chúng.

Vua Phạm-ma-đạt hỏi thái tử Trường Sinh: “Hiện tại binh lính ở đâu?”

Trường Sinh tâu: “Thần cũng không biết quân lính ở đâu.”

Vua bảo: “Hãy dừng lại một chút. Người ta mỗi mệt vô cùng; muốn dừng nghỉ một chút.”

Thái tử Trường Sinh liền cho dừng lại để vua nghỉ ngơi trong chốc lát khi quân lính chưa đến.

Tỳ-kheo nên biết, bấy giờ vua Phạm-ma-đạt gối đầu trên đầu gối thái tử Trường Sinh ngủ say. Bấy giờ thái tử Trường Sinh thấy vua đang ngủ, liền nghĩ: “Vua này là kẻ thù lớn nhất của ta, đã bắt giết cha mẹ ta, lại còn ở trên đất nước ta. Nay mà không báo oán thì lúc nào sẽ báo? Bấy giờ ta phải dứt mạng hắn.” Thái tử Trường Sinh tay phải rút kiếm, tay trái tóm tóc vua; nhưng lại tự nghĩ: “Lúc cha ta sắp lâm chung đã bảo ta rằng: ‘Trường Sinh nên biết, đừng nhìn dài, cũng đừng nhìn ngắn.’ Còn nói bài kệ này:

Oán oán không dừng nghỉ

Pháp này có từ xưa

Không oán mới thắng oán

Pháp này luôn bất hủ.

Nay ta nên bỏ oán này.” Rồi tra kiếm vào vỏ. Ba phen như vậy, lại tự nghĩ: “Vua này kẻ thù lớn nhất của ta, đã bắt giết cha mẹ ta, lại còn ở trên đất nước ta. Nay mà không báo oán thì lúc nào sẽ báo? Nay đúng là lúc ta phải dứt mạng hắn, mới gọi là báo oán.” Rồi lại nhớ đến: “Trường Sinh, con đừng nhìn dài, cũng đừng nhìn ngắn. Phụ vương có những lời dạy này:

Oán oán không dừng nghỉ

Pháp này có từ xưa

Không oán mới thắng oán

Pháp này luôn bất hủ.

Nay ta hãy bỏ oán này.” Liền tra kiếm vào vỏ. Bấy giờ vua Phạm-ma-đạt lại mộng thấy con trai vua Trường Thọ là thái tử Trường Sinh muốn bắt mình giết, vì vậy nên kinh sợ thức giấc. Thái tử Trường Sinh thưa: “Đại vương! Vì sao nổi kinh sợ đến như vậy?”

Phạm-ma-đạt nói: “Lúc ngủ ta mộng thấy con trai vua Trường Thọ là thái tử Trường Sinh rút kiếm muốn bắt ta giết. Cho nên ta kinh sợ!”

Bấy giờ, thái tử Trường Sinh tự nghĩ: “Hiện tại vua này đã biết ta là thái tử Trường Sinh.” Tay phải vội rút kiếm, tay trái tóm tóc mà nói vua rằng: “Hiện tại, tôi chính là thái tử Trường Sinh con trai của vua Trường Thọ. Song vua là kẻ thù lớn nhất của ta, đã bắt giết cha mẹ ta, lại còn ở trên đất nước ta. Nay không báo oán thì đợi lúc nào?”

Vua Phạm-ma-đạt liền quay qua Trường Sinh mà nói rằng: “Nay mạng của ta ở trong tay người, xin được toàn mạng!”

Trường Sinh đáp: “Tôi có thể cho vua sống. Nhưng vua không để tôi toàn mạng!”

Vua trả lời Trường Sinh: “Xin tha mạng. Ta không bao giờ giết người.”

Bấy giờ thái tử Trường Sinh cùng vua thề rằng: “Cả hai cùng tha mạng cho nhau, không bao giờ hại nhau.”

Tỳ-kheo nên biết, bấy giờ thái tử Trường Sinh liền tha mạng sống cho vua. Lúc đó vua Phạm-ma-đạt bảo Thái tử Trường Sinh rằng: “Xin Thái tử cùng tôi trở lại chuẩn bị xe lông chim để trở về nước.”

Bấy giờ, thái tử liền chuẩn bị xe lông chim, cả hai cùng ngồi trên xe về đến thành

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

Xá-vệ. Vua Phạm-ma-đạt liền tập họp quần thần nói rằng: “Nếu các khanh gặp con trai vua Trường Thọ, sẽ làm gì?”

Trong đó, hoặc có đại thần tâu rằng: “Sẽ chặt chân tay.”

Hoặc có vị tâu: “Sẽ phân thân làm ba đoạn.”

Hoặc có vị tâu: “Sẽ bắt giết đi.”

Lúc đó thái tử Trường Sinh ngồi bên cạnh vua, chánh thân, chánh ý suy nghĩ về những lời nói này. Bấy giờ, vua Phạm-ma-đạt đích thân tự tay nắm lấy tay thái tử nói với mọi người rằng: “Đây là thái tử Trường Sinh. Con trai vua Trường Thọ, chính là người này. Các khanh không được nói lại những lời như vậy. Vì sao? Vì thái tử Trường Sinh đã tha mạng sống cho ta. Ta cũng tha mạng sống cho người này.”

Quần thần sau khi nghe những lời này, khen là chưa từng có. Thái tử con vua này thật là kỳ đặc, đối với oán mà có thể không báo oán.

Lúc đó vua Phạm-ma-đạt hỏi Trường Sinh: “Đáng ra người bắt ta giết. Nhưng tại sao lại tha không giết? Có nhân duyên gì? Nay xin được nghe.”

Trường Sinh đáp: “Đại vương khéo lắng nghe! Khi phụ vương tôi sắp lâm chung, dặn lại rằng: Nay con chớ nhìn dài, cũng chớ nhìn ngắn. Lại dặn những lời này:

*Oán oán chẳng dùng nghĩ
Từ xưa có pháp này
Không oán hay thắng oán
Pháp này luôn bất tử.”*

Các đại thần khi nghe những lời này của phụ vương tôi, đều bảo với nhau rằng: “Vua này mê loạn nên nói lung tung. Vậy chớ Trường Sinh là người nào?”

Vua Trường Thọ đáp: “Các khanh nên biết, trong đây có người trí sẽ rõ những lời này. Khi nhớ lại những lời này của phụ vương, cho nên tôi tha cho vua toàn mạng.”

Vua Phạm-ma-đạt sau khi nghe những lời này rồi, lấy làm lạ lòng và khen là chưa từng có ai có thể giữ lời dạy dỗ của người cha quá cố không để trái phạm.

Bấy giờ vua Phạm-ma-đạt nói thái tử rằng: “Ý nghĩa của những lời ông nói hôm nay, ta vẫn chưa hiểu. Nay hãy nói cho ta nghĩa của chúng để ta được thông suốt.”

Thái tử Trường Sinh đáp: “Đại vương khéo lắng nghe! Tôi sẽ nói. Vua Phạm-ma-đạt bắt vua Trường Thọ giết. Nếu có quần thần rất thân tín nào của vua Trường Thọ bắt vua giết, thì lại có quần thần phò tá của vua Phạm-đạt-ma cũng sẽ bắt quần thần phò tá của vua Trường Thọ mà giết. Đó gọi là oan oán không bao giờ dứt tuyệt. Muốn đoạn tuyệt oán này chỉ có người không báo oán. Vì tôi đã xét nghĩa này nên không giết vua.”

Vua Phạm-đạt-ma nghe những lời này xong, nghĩ vị vương tử này rất là thông minh, mới có thể quảng diễn được nghĩa này, nên lòng rất vui mừng hơn hờ không tự kiểm chế được.

Lúc ấy vua Phạm-đạt-ma liền hướng về vương tử sám hối tội lỗi của mình là đã bắt giết vua Trường Thọ. Sau đó cỡi lấy mũ mình đội cho Trường Sinh, rồi gả con gái và giao nước Xá-vệ cùng nhân dân lại cho Trường Sinh thống lãnh. Vua trở về cai trị Ba-la-nại.

Tỳ-kheo nên biết, các nhà vua thời thượng cổ đã có pháp thường này. Tuy có sự tranh giành đất nước như vậy, nhưng vẫn còn nhẫn nhịn nhau chứ không làm tổn hại nhau. Huống chi các ông là Tỳ-kheo, vì lòng tin kiên cố xuất gia học đạo, xả bỏ lòng tham dục, sân nhuế, ngu si, nay lại tranh khắc nhau, không hòa thuận nhau, không ai nhịn nhau, không chịu hối cải. Nay các Tỳ-kheo, căn cứ vào nhân duyên này mà biết rằng tranh cãi

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

chẳng phải là điều nên làm. Cùng một thầy học, như nước với sữa, chớ tranh tụng nhau.

Bấy giờ, Thế Tôn, liền nói bài kệ này:

Không tranh, cũng không cãi

Tâm Từ thương tất cả

Tất cả không ưu hoạn

Điều chư Phật ngợi khen.

Cho nên, này các Tỳ-kheo, cần phải tu hạnh nhẫn nhục. Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.

Bấy giờ Tỳ-kheo Câu-thâm bạch Đức Thế Tôn:

–Nguyện xin Thế Tôn, chớ lo việc này. Chúng con sẽ tự phân giải sự việc này. Thế Tôn tuy có dạy những lời này. Nhưng sự việc không phải vậy.

Thế rồi, Thế Tôn liền bỏ đi đến nước Bạt-kỳ.

Bấy giờ¹ trong nước Bạt-kỳ có ba thiện gia nam tử là A-na-luật, Nan-đề, Kim-tỳ-la². Các vị thiện gia nam tử này cùng giao ước với nhau: “Nếu ai ra đi khát thực, vị còn lại sau phải rưới nước³, quét đất sạch sẽ, không sót việc gì. Vị đi khát thực về sẽ chia phần cho ăn. Đủ chia thì tốt, không đủ tùy ý ăn phần mình. Cơm còn dư, đổ vào đồ đựng, rồi bỏ đó mà đi. Nếu vị nào khát thực về sau cùng đủ thì tốt, không đủ thì lấy cơm trong đồ đựng kia rồi bỏ vào bát mình mà ăn nhưng phải tự để vào bát mình. Sau đó xách bình nước đặt một nơi. Mỗi ngày phải quét sạch nhà cửa, rồi tìm nơi vắng vẻ chánh thân chánh ý cột niệm trước mặt tư duy diệu pháp. Họ tự tuyệt đối im lặng, không nói chuyện với nhau.

Bấy giờ, Tôn giả A-na-luật tư duy dục bất tịnh tưởng⁴, có niệm, khinh an và hỷ⁵ mà vào Sơ thiền. Lúc đó, Nan-đề và Kim-tỳ-la biết trong tâm niệm của A-na-luật, nên cũng tư duy dục bất tịnh tưởng, có niệm, khinh an và hỷ* mà vào Sơ thiền. Nếu Tôn giả A-na-luật tư duy Nhị thiền, Tam thiền, Tứ thiền, bấy giờ Tôn giả Nan-đề và Kim-tỳ-la cũng tư duy Nhị thiền, Tam thiền, Tứ thiền. Nếu Tôn giả A-na-luật tư duy không xứ, thức xứ, bất dụng xứ, hữu tướng vô tướng xứ, Tôn giả Nan-đề và Kim-tỳ-la cũng lại tư duy không xứ, thức xứ, bất dụng xứ, hữu tướng vô tướng xứ. Nếu Tôn giả A-na-luật tư duy diệt tận định, bấy giờ Tôn giả Nan-đề và Kim-tỳ-la cũng lại tư duy diệt tận định. Như các pháp này, các Hiền giả cũng tư duy như vậy.

Bấy giờ, Thế Tôn đến nước Sư tử⁶, lúc đó người giữ vườn⁷ từ xa trông thấy Thế Tôn

1. Từ đây trở xuống, tương đương Pāli, M. 128 Upakkilesasuttaṃ (R.iii. 155ff).

2. A-na-luật 阿那律 (Anuruddha), Nan-đề 難提 (Nandiya), Kim-tỳ-la 金毘羅 (Kimbīla), ba vương tử họ Thích. Pāli, ibid., ba vị này ở trong vườn Nai Pācivaṃsa (Migadāya), vương quốc Cetiya. Trung 17, đã dẫn, nói ba vị này đang trú tại rừng Ban-ba-man-xà tự 般那蔓闍寺林.

3. Hán: Hậu trụ giả. Nhưng Hán dịch này không rõ, hoặc có nhầm lẫn. Các Tỳ-kheo sáng sớm phải đi khát thực. Trung 17, và M 128 đều nói việc phân công này chỉ sau khi khát thực về. Ai về trước, ai về sau, phải làm gì.

4. Dục bất tịnh tưởng 欲不淨想; quán tưởng dục là bất tịnh. Chính xác, đây hiểu là tu bất tịnh tưởng (Pāli: Asubhasaññā). Nhưng theo Trung 17, M 128, Tôn giả này tu quang minh tưởng (obhāsa). Có sự liên hệ gì giữa asubha (Skt. Aśubha) và obhāsa (Skt. Avabhāsa)?

5. Niệm thị hỷ an 念侍喜安.

6. Sư tử quốc 師子國. Có lẽ là tên khu vườn chứ không phải tên nước. Theo ngữ cảnh dưới, nên hiểu đây là một khu vườn. Xem cht. dưới. Pāli: Sīha (Skt. Siṃha)? Không thấy trong danh sách các nước đương thời Phật. Hoặc có liên hệ phát âm nào giữa Migadāya (Skt. Mhgaḍāya), khu vườn họ đang ở, với Migarājā (Skt. Mhgarājā), từ khác chỉ Sư tử?

7. Để bản: Thủ quốc nhân 守國人. TNM: Thủ viên nhân 守國人.

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

đến, liền thưa:

–Sa-môn chớ vào trong vườn! Vì sao? Vì trong vườn này có ba vị thiện gia nam tử tên là A-na-luật, Nan-đề và Kim-tỳ-la. Hãy cẩn thận chớ quấy nhiễu họ.

Lúc đó, Tôn giả A-na-luật bằng Thiên nhĩ thông nghe người giữ vườn nói với Thế Tôn như vậy, không để Ngài vào vườn*, Tôn giả A-na-luật liền ra bảo người giữ cửa⁸ rằng:

–Chớ ngăn! Nay Thế Tôn đến đây, là muốn đến thăm chỗ này.

Sau đó Tôn giả A-na-luật liền vào báo Kim-tỳ-la:

–Đi nhanh, Thế Tôn hiện đang ở ngoài cửa vườn.

Bấy giờ, ba Tôn giả liền rời khỏi Tam-muội⁹, đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ sát chân, rồi đứng qua một bên. Mỗi vị tự thưa:

–Lành thay, Thế Tôn đã đến!

Tôn giả A-na-luật đón lấy bình bát Thế Tôn. Tôn giả Nan-đề trải chỗ ngồi. Tôn giả Kim-tỳ-la lấy nước cho Thế Tôn rửa chân.

Bấy giờ Thế Tôn bảo Tôn giả A-na-luật:

–Ba ông ở đây hòa hợp không có trái ý nhau? Khất thực có như ý không?

A-na-luật thưa:

–Thật vậy, bạch Thế Tôn, khất thực không gì khó nhọc. Vì sao? Vì khi con tư duy Sơ thiền, bấy giờ Nan-đề, Kim-tỳ-la cũng tư duy Sơ thiền. Nếu con tư duy Nhị thiền, Tam thiền, Tứ thiền, không xứ, thức xứ, bất dụng xứ, hữu tướng vô tướng xứ, diệt tận định, lúc đó Nan-đề, Kim-tỳ-la cũng tư duy Nhị thiền, Tam thiền, Tứ thiền, không xứ, thức xứ, bất dụng xứ, hữu tướng vô tướng xứ, diệt tận định. Như vậy, bạch Thế Tôn, chúng con tư duy về pháp này.

Thế Tôn bảo:

–Lành thay, lành thay, A-na-luật! Vào lúc ấy các ông có đạt được pháp thượng nhân không?

A-na-luật thưa:

–Thật vậy, thưa Thế Tôn, chúng con đạt được pháp thượng nhân.

Thế Tôn bảo:

–Pháp thượng nhân là gì?

A-na-luật thưa:

–Có pháp vi diệu này vượt lên trên pháp thượng nhân. Nếu chúng con lại rải tâm Từ trải đầy khắp một phương; hai phương, ba phương, bốn phương cũng lại như vậy; bốn phía, trên dưới cũng lại như vậy; trong tất cả, mỗi mỗi đều rải tâm Từ trải đầy khắp trong đó, vô số, vô hạn, không thể tính hết, mà tự vui thú*. Lại rải tâm Bi, tâm Hỷ, tâm Hộ (xả) đầy khắp một phương, hai phương, ba phương, bốn phương và bốn phía, trên dưới mà tự vui thú cũng lại như vậy. Đó gọi là, bạch Thế Tôn, chúng con đạt thêm được pháp thượng nhân nữa.

Bấy giờ, Tôn giả Nan-đề, Kim-tỳ-la nói với A-na-luật:

–Có bao giờ chúng tôi đến Tôn giả để hỏi nghĩa này đâu, mà hôm nay trước Thế Tôn lại tự nói như vậy?

⁸. Thủ môn nhân 守門人. Có lẽ là người giữ vườn như trên.

⁹. Hán: Tòng Tam-muội khởi 從三昧起. Có lẽ nguyên là nói “từ chỗ thiền tọa đứng dậy.” Người chép kinh hiểu nhầm chỗ thiền tọa với thiền định (Tam-muội). Pāli thường gặp: Paṭisallānā vuṭṭhito. Hán cũng thường dịch: Tòng thiền định giác.

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

Tôn giả A-na-luật đáp:

–Các Hiền giả cũng chưa bao giờ đến tôi để hỏi nghĩa này. Nhưng chư Thiên đã đến chỗ tôi mà nói nghĩa này, cho nên ở trước Thế Tôn tôi nói nghĩa này vậy. Lại nữa, lâu nay tôi biết tâm ý của các Hiền giả, là các Hiền giả đã đạt được Tam-muội này, nên ở trước Thế Tôn tôi nói những lời này.

Trong lúc thuyết pháp này, đại tướng Trường Thọ đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ sát chân, ngồi qua một bên. Rồi đại tướng Trường Thọ¹⁰ bạch Thế Tôn:

–Hôm nay có phải Thế Tôn vì các Tỳ-kheo này mà thuyết pháp?

Lúc ấy Thế Tôn đem nhân duyên này kể lại cho đại tướng Trường Thọ. Đại tướng bạch Thế Tôn:

–Đại quốc Bạt-kỳ sớm được lợi lớn, vì có ba thiện gia nam tử A-na-luật, Nan-đề, Kim-tỳ-la này du hóa.

Thế Tôn bảo:

–Đại tướng, đúng vậy, như lời ông nói. Đại quốc Bạt-kỳ được thiện lợi. Hãy không nói đại quốc Bạt-kỳ, mà đại quốc Ma-kiệt cũng được thiện lợi mới có ba vị thiện gia nam tử này. Nếu mọi người dân trong đại quốc Ma-kiệt này mà nhớ đến ba thiện gia nam tử này, sẽ được an ổn lâu dài. Đại tướng nên biết, nếu huyện ấp, thành quách nào có ba vị thiện gia nam tử này ở trong những thành quách đó, mọi người dân sẽ được an ổn lâu dài. Nhà nào sinh ra ba vị thiện gia nam tử này cũng được lợi lớn, vì đã sinh ra người được tôn quý nhất này. Cha mẹ năm đời thân tộc của họ, nếu nhớ đến ba người này thì cũng được lợi lớn. Nếu trời, rồng, quỷ, thần nhớ đến ba thiện gia nam tử này, thì cũng được lợi lớn. Nếu có người nào khen ngợi bậc A-la-hán thì, cũng nên khen ngợi ba người này. Nếu có người nào khen ngợi người không tham dục, không ngu si, không sân nhuế thì, cũng nên khen ngợi ba người này. Nếu có người nào khen ngợi người có ruộng phước này thì, cũng nên khen ngợi ba người này. Như Ta ở trong ba a-tăng-kỳ kiếp thực hành cần khổ thành Vô thượng đạo, khiến ba người này thành tựu nghĩa pháp này. Cho nên Đại tướng đối với ba thiện gia nam tử này nên khởi lòng hoan hỷ. Đại tướng, hãy học điều này như vậy.

Đại tướng sau khi nghe những gì Thế Tôn dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH SỐ 9

Nghe như vậy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Có ba kết sử trói buộc chúng sinh khiến không thể từ bờ này đến bờ kia được. Những gì là ba? Là thân tà, giới đạo, nghi¹¹.

Thế nào gọi là kết bởi thân tà? Chấp thân có ngã, nảy sinh tưởng về tôi ta, có tưởng

¹⁰. Trường Thọ Đại tướng 長壽大將 (?).

¹¹. Thân tà, giới đạo, nghi 身邪 . 戒盜 . 疑 . Cf. *Trung 1* (T1n26, tr. 424b28): “Thân kiến 身見, giới thủ 戒取, nghi 疑, ba kết đoạn tận, đắc Tu-đà-hoàn.” *Tỳ-bà-sa 46* (T27n1545, tr. 237c5), ba kết: Hữu thân kiến 有身見, giới cấm thủ 戒禁取, nghi 疑. Pāli, cf. D 33 Saṅgīti (R.iii. 216): Tīṇi saṃyojanāni-sakkāyadīṭṭhi, vicikicchā, sīlabbataparāmāso.

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

về chúng sinh, có mạng, có thọ, có nhân, có sĩ phu, có duyên, có trước. Đó gọi là kết bởi thân tà.

Thế nào là kết bởi nghi? Có ngã chẳng? Vô ngã chẳng? Có sinh chẳng? Không sinh chẳng? Có ngã, nhân, thọ, mạng, chẳng? Không ngã, nhân, thọ, mạng chẳng? Có phụ mẫu chẳng? Không phụ mẫu chẳng? Có đời này, đời sau chẳng? Không đời này, đời sau chẳng? Có Sa-môn, Bà-la-môn chẳng? Không Sa-môn, Bà-la-môn chẳng? Đời có A-la-hán chẳng? Đời không A-la-hán chẳng? Có người chứng đắc chẳng? Không người chứng đắc chẳng? Đó gọi là kết bởi nghi.

Thế nào là kết bởi giới đạo? Ta do giới này mà sinh vào gia đình dòng họ lớn, sinh nhà trưởng giả, sinh nhà Bà-la-môn, hoặc sinh lên trời, hay trong các thần. Đó gọi là kết của giới đạo.

Như vậy, này Tỳ-kheo, có ba kết này trói buộc chúng sinh, khiến không thể từ bờ này đến bờ kia. Giống như hai con bò cùng một ách tất không rời nhau¹². Chúng sinh này cũng lại như vậy, bị ba kết trói chặt không thể từ bờ này đến bờ kia được.

Thế nào là bờ này, thế nào là bờ kia? Bờ này chính là thân tà; bờ kia chính là thân tà bị diệt. Này Tỳ-kheo, đó gọi là ba kết trói buộc chúng sinh, không thể từ bờ này đến bờ kia. Cho nên, này các Tỳ-kheo, cần phải tìm cách tiêu diệt ba kết này. Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH SỐ 10¹³

Nghe như vậy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Có ba Tam-muội này. Những gì là ba? Là Không Tam-muội, Vô tướng Tam-muội, Vô nguyện Tam-muội¹⁴.

Thế nào là Không Tam-muội? Không là quán tất cả các pháp đều là không hư. Đó gọi là Không Tam-muội.

Thế nào là Vô tướng Tam-muội? Vô tướng là đối với tất cả các pháp tất cả đều không tướng niệm gì, cũng không có gì được thấy. Đó gọi là Vô tướng Tam-muội.

Thế nào là Vô nguyện Tam-muội? Vô nguyện là đối với tất cả các pháp cũng không mong cầu. Đó gọi là Vô nguyện Tam-muội.

Như vậy, này các Tỳ-kheo, ai không đạt được ba Tam-muội này thì ở lâu nơi sinh tử, không thể tự giác ngộ. Cho nên, này các Tỳ-kheo, hãy tìm cầu phương tiện đạt được Tam-muội này. Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

¹². Định nghĩa từ Pī. Saṃyojana (=Skt.), do yuga: Cách ách, và động từ yuñjati: Buộc vào ách.

¹³. Tham chiếu Pāli, A III 163 (R.i. 299).

¹⁴. Pāli, A. ibid.: Rāgassa, abhiññāya tayo dhammā bhāvetabbā. Suññato samādhī, animitto samādhī, appaṇihito samādhī–để biết rõ tham, hay tu ba pháp: Không Tam-muội, Vô tướng Tam-muội, Vô nguyện Tam-muội. Cf. *Câu-xá* 28 (T29n1558, tr. 149c13), có ba đẳng trì (=Tam-muội): Không 空, Vô nguyện 無願, Vô tướng 無相.

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

M

Kệ tóm tắt:

*Tràng, Tỳ-sa, Pháp vương
Cù-mặc, thân tức hóa
Trai giới, hiện tại tiền
Trường Thọ, kết, Tam-muội.*

